TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **17**/2023/DS – PT
Ngày 03 – 4 – 2023;
Về *"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Nguyễn Văn Dũng.**
Các Thẩm phán: ông **Nguyễn Hữu Thịnh,**
ông **Phạm Quốc Bảo.**

- Thư ký phiên tòa: ông **Nguyễn Thành Đạt** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: ông **Lương Quốc Phòng** - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 121/2022/TLPT - DS ngày 07 tháng 12 năm 2022 về việc *"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa";*

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 89/2022/DS - ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 12/2023/QĐ - PT ngày 16 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: bà ***Tôn Thị Kim L***, sinh năm 1990;

Địa chỉ: thôn A, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Trần Ngọc Á và Luật sư Phạm Văn N, Văn phòng L1, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ.

- *Bị đơn:* ông ***Huỳnh Văn A***, sinh năm 1972;

Địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông ***Trần Quang H***, sinh năm 1987; địa chỉ: thôn A, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

- *Người kháng cáo:* bị đơn Huỳnh Văn A**.**

Các ông, bà: L, A, N có mặt; đương sự khác vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bà Tôn Thị Kim L yêu cầu ông Huỳnh Văn A trả số tiền nợ phát sinh từ việc mua hàng hóa phục vụ đóng tàu từ năm 2017 đến năm 2018, đã đối chiếu công nợ ngày 12 tháng 9 năm 2018 và số tiền nợ sau năm 2018 là 330.000.000 đồng, tiền lãi chậm trả là 80.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà L yêu cầu ông A trả cho bà L số tiền gốc nợ đến tháng 9 năm 2018 là 200.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 80.329.000 đồng; rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc sau tháng 9 năm 2018 là 129.671.000 đồng.

Ông Huỳnh Văn A thừa nhận có mua bán hàng hóa với vợ chồng bà L và đến ngày 12 tháng 9 năm 2018 đối chiếu nợ là 200.000.000 đồng. Nhưng sau đó ông A

tiếp tục mua hàng và trả nhiều lần, hiện chỉ còn nợ số tiền 52.000.000 đồng. Do vậy ông A không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L.

Với nội dung như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 89/2022/DS - ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam đã căn cứ các điều 26, 35, 39, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 357, 440, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử*: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Huỳnh Văn A phải trả cho bà Tôn Thị Kim L số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng, tiền lãi chậm trả là 80.329.000 đồng; đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Huỳnh Văn A trả số tiền 129.671.000 đồng;*

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định án phí, chi phí giám định, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26 tháng 9 năm 2022, bị đơn Huỳnh Văn A kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thụ lý, xét xử vụ án; các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- *Về việc giải quyết vụ án:* đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 89/2022/DS - ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện đã được cấp sơ thẩm xem xét; các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

[2]. Xét kháng cáo của bị đơn

[2.1. Về thủ tục tố tụng: việc kháng cáo của bị đơn Huỳnh Văn A được thụ lý trong thời hạn, đúng điều kiện, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo của bị đơn là hợp pháp.

[2.2]. Về nội dung

[2.2.1]. Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Nguyên đơn cho rằng bị đơn còn nợ 200.000.000 đồng thể hiện trong nội dung sổ đối chiếu nợ đến ngày 12 tháng 9 năm 2018. Bị đơn cho rằng đã nhiều lần trả nợ sau thời điểm chốt nợ và hiện còn nợ nguyên đơn 52.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy:

Thứ nhất, tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự thừa nhận từ năm 2017 đến năm 2018, ông Huỳnh Văn A mua hàng hóa của vợ chồng bà L, đến ngày 12 tháng 9 năm 2018, ông A còn nợ số tiền 200.000.000 đồng và ông A đã ký xác nhận

nợ. Đây là các tình tiết, sự việc không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự và là cơ sở để Hội đồng xét xử xác định: giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập quan hệ mua bán hàng hóa từ năm 2017 và thực hiện chốt nợ, đến ngày 12 tháng 9 năm 2018, ông A chưa thanh toán tiền mua bán hàng hóa cho bà L số tiền 200.000.000 đồng.

Thứ hai, bị đơn cho rằng đã trả nợ cho nguyên đơn nhiều lần sau ngày 12 tháng 9 năm 2018 nhưng xác nhận việc trả nợ chỉ nói miệng, không ghi chép, không gạch vào nội dung đã nhận nợ và không có chứng cứ khác để chứng minh. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không thừa nhận việc bị đơn đã trả nợ. Theo đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị đơn chưa thanh toán cho vợ chồng bà L số tiền 200.000.000 đồng theo kết quả chốt nợ ngày 12 tháng 9 năm 2018 là có cơ sở thực tiễn và đúng pháp luật.

Thứ ba, không có chứng cứ chứng minh giữa hai bên có thỏa thuận thời điểm thanh toán số tiền 200.000.000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị đơn phải thanh toán số tiền lãi chậm trả từ sau ngày 12 tháng 9 năm 2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là đúng với quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thứ tư, tại phiên tòa phúc thẩm, không phát sinh tình tiết mới làm thay đổi kết quả xét xử của cấp sơ thẩm.

Từ các nhận định trên**,** Hội đồng xét xử kết luận: không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 89/2022/DS - ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam.

[2.2.4]. Về án phí phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí; khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bị đơn đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, các điều 26, 39, 147, 227, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 357, 430, 440, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. ***Tuyên xử:***

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Huỳnh Văn A, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 89/2022/DS - ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam;

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Huỳnh Văn A phải thanh toán cho bà Tôn Thị Kim L số tiền ***280.329.000*** đồng (*hai trăm tám mươi triệu ba trăm hai mươi chín nghìn)* đồng, gồm 200.000.000 đồng tiền nợ mua hàng và 80.329.000 đồng tiền lãi chậm trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm;

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn Huỳnh Văn A trả số tiền 129.671.000 *(một trăm hai mươi chín triệu, sáu trăm bảy mươi mốt nghìn)* đồng; quyền khởi kiện lại của nguyên đơn đối với yêu cầu khởi kiện bị đình chỉ được đảm bảo theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí và chi phí tố tụng khác:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: ông Huỳnh Văn A phải chịu 14.016.450 *(mười bốn triệu không trăm mười sáu nghìn, bốn trăm năm mươi)* đồng; hoàn trả cho bà Tôn Thị Kim L số tiền 8.527.500 *(tám triệu năm trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm)* đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010924 ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N;

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: ông Huỳnh Văn A phải chịu 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011282 ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

3.3. Ông Huỳnh Văn A phải chịu chi phí giám định chữ ký là 5.000.000 đồng, do nguyên đơn đã nộp xong số tiền này nên ông Huỳnh Văn A phải trả cho bà Tôn Thị Kim L số tiền 5.000.000 *(năm triệu)* đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án *(ngày 03 tháng 4 năm 2023).*

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Dũng